

Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ báo chí - truyền thông trong kỷ nguyên mới

PGS, TS. NGUYỄN THỊ TRƯỜNG GIANG

Học viện Báo chí và Tuyên truyền; Email: nguyenthitruonggiang@ajc.edu.vn

Nhận ngày 25 tháng 4 năm 2025; chấp nhận đăng tháng 6 năm 2025.

Tóm tắt: Trải qua một thế kỷ hình thành và phát triển, Báo chí Cách mạng Việt Nam luôn đồng hành cùng tiến trình cách mạng của dân tộc, giữ vững vai trò là lực lượng xung kích trên mặt trận tư tưởng - văn hóa của Đảng. Trong suốt quá trình đó, đội ngũ những người làm báo được đào tạo, rèn luyện và trưởng thành không chỉ là những cây bút tiên phong trên mặt trận thông tin, mà còn là những chiến sĩ trung thành với lý tưởng, bản lĩnh về chính trị, vững vàng về chuyên môn và nhạy bén trong xử lý các vấn đề xã hội. Sự phát triển của báo chí cách mạng, vì thế, luôn gắn chặt với chất lượng và tầm vóc của công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ làm báo. Hiện nay, dưới tác động của chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và mạng xã hội không chỉ làm thay đổi cách thức hoạt động báo chí mà còn đặt ra yêu cầu đổi mới tư duy, nội dung và phương pháp đào tạo, bồi dưỡng nhân lực báo chí - truyền thông.

Từ khóa: đào tạo, bồi dưỡng; cán bộ báo chí, truyền thông; kỷ nguyên mới.

Abstract: Throughout a century of formation and development, the Vietnamese Revolutionary Press has consistently accompanied the nation's revolutionary journey, maintaining its role as a pioneering force on the ideological and cultural front of the Party. Throughout this process, generations of journalists have been trained, nurtured, and matured not only as pioneering writers on the information front but also as loyal soldiers devoted to ideals, politically steadfast, professionally competent, and socially perceptive. The development of the revolutionary press has therefore always been closely tied to the quality and caliber of journalist training and professional development. Today, under the impact of digital transformation, artificial intelligence, big data, and social media, journalism is not only undergoing changes in its modes of operation but also facing pressing demands to renew its mindset, content, and methods for training and developing media professionals.

Keywords: training and professional development; journalism and media professionals; new era.

1. Kỷ nguyên mới và những tác động đến công tác đào tạo, bồi dưỡng nhân lực báo chí - truyền thông

Thứ nhất, tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chuyển đổi số và công nghệ truyền thông mới.

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, với trọng tâm là chuyển đổi số, đang tạo ra những biến đổi mang tính nền tảng trong hoạt động báo chí - truyền thông. Không chỉ là sự thay đổi về công cụ, công nghệ truyền thông mới đang tái định hình quy trình sản xuất, phân phối và tiêu dùng thông tin. Trí tuệ nhân tạo cho phép tự động hóa một phần quy trình viết tin; dữ liệu lớn

hỗ trợ phân tích hành vi công chúng và cá nhân hóa nội dung; các công nghệ như VR/AR, blockchain, điện toán đám mây mở rộng không gian thể hiện nội dung và quản lý thông tin.

Sự thâm nhập của công nghệ số vào hoạt động báo chí buộc các cơ quan truyền thông phải chuyển đổi mô hình tổ chức, từ tòa soạn truyền thống sang tòa soạn hội tụ, tích hợp chức năng và nền tảng. Trong khi đó, đội ngũ làm báo ngày càng phải đảm nhận nhiều vai trò: từ viết, quay, dựng, phát hành đến phân tích dữ liệu và quản trị nội dung đa nền tảng. Việc sử dụng AI để viết bản tin tự động, tổng hợp dữ liệu, đề

xuất tiêu đề□ tuy mở rộng hiệu suất làm việc nhưng cũng đặt ra vấn đề đạo đức, kiểm chứng thông tin và kiểm soát chất lượng nội dung.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ báo chí - truyền thông không thể tiếp tục theo hướng đơn ngành, tuyến tính. Các chương trình cần tích hợp kiến thức công nghệ, năng lực số và phương pháp phản biện thông tin trong môi trường số hóa cao. Đồng thời, kỹ năng sử dụng công cụ truyền thông hiện đại, hiểu biết thuật toán nền tảng, bảo mật dữ liệu và quản trị rủi ro công nghệ cần được đưa vào hệ thống đào tạo chính quy và bồi dưỡng ngắn hạn.

Thứ hai, môi trường truyền thông đa nền tảng và sự thay đổi hành vi công chúng.

Truyền thông hiện nay vận hành trong môi trường đa nền tảng, nơi mà báo chí không còn là kênh độc quyền cung cấp thông tin. Các nền tảng số như Facebook, YouTube, TikTok□ cho phép công chúng vừa là người tiếp nhận, vừa là người sản xuất và chia sẻ thông tin. Điều này đã phá vỡ thế cân bằng truyền thống giữa nhà báo và công chúng, đồng thời làm xuất hiện những dạng thức truyền thông mới như truyền thông công dân, truyền thông phi tập trung và lan truyền theo logic đám đông.

Hành vi tiếp nhận thông tin của công chúng cũng thay đổi sâu sắc, từ việc chờ đợi thông tin theo lịch phát sóng, sang chủ động tìm kiếm nội dung theo nhu cầu cá nhân; từ tiếp nhận một chiều sang tương tác, phản hồi và tham gia kiến tạo nội dung. Thời gian chú ý ngắn, xu hướng ưa thích thông tin trực quan, đa phương tiện, cá nhân hóa cao, tất cả đặt ra thách thức trong việc thu hút và giữ chân công chúng.

Trong bối cảnh đó, người làm báo phải có khả năng vận hành linh hoạt trên nhiều nền tảng, thiết kế nội dung phù hợp với hành vi công chúng số và hiểu biết về cơ chế lan truyền nội dung trên môi trường số. Việc đào tạo báo chí không thể tách rời việc phát triển kỹ năng kể chuyện đa phương tiện, sản xuất nội dung tương tác, dựng video ngắn, vận dụng các định dạng mới như infographic, podcast, livestream... Hơn nữa, trong môi trường công chúng tham gia nhiều hơn vào tiến trình thông tin, kỹ năng lắng nghe, đối thoại và xử lý khủng hoảng truyền thông cần tích cực đưa vào nội dung đào tạo, điều vốn còn thiếu trong các chương trình hiện hành.

Thứ ba, yêu cầu hội nhập quốc tế và cạnh tranh nguồn lực truyền thông.

Báo chí không còn là lĩnh vực mang tính địa phương hóa cao như trước. Trong môi trường hội nhập, thông tin báo chí được truyền đi với tốc độ toàn cầu và dễ dàng bị so sánh với các sản phẩm truyền thông quốc tế. Các cơ quan báo chí Việt Nam đang phải cạnh tranh trực tiếp với các hãng truyền thông lớn như BBC, CNN, NHK□ không chỉ về tốc độ mà cả về chuẩn mực nghề nghiệp, tính sáng tạo, tính hấp dẫn và khả năng dẫn dắt dư luận.

Điều này đặt ra yêu cầu đối với đội ngũ làm báo phải có năng lực hội nhập: sử dụng ngoại ngữ thành thạo, hiểu biết các vấn đề toàn cầu, tiếp cận được tư duy truyền thông quốc tế và có khả năng tham gia vào các diễn đàn truyền thông xuyên quốc gia. Đồng thời, nhà báo Việt Nam phải có khả năng truyền thông các giá trị Việt ra thế giới, góp phần đấu tranh bảo vệ lợi ích quốc gia trong không gian truyền thông toàn cầu.

Với các cơ sở đào tạo, đây là động lực mạnh mẽ để thúc đẩy hợp tác quốc tế trong đào tạo báo chí - truyền thông. Việc tiếp thu chương trình, mô hình đào tạo từ các trường báo chí hàng đầu thế giới cần được chú trọng, đồng thời phải thực hiện chuyển giao tri thức có chọn lọc, phù hợp với đặc điểm chính trị, văn hóa, pháp lý của Việt Nam.

Thứ tư, thay đổi trong triết lý báo chí và chuẩn năng lực nghề nghiệp.

Cùng với những thay đổi về công nghệ và môi trường truyền thông, triết lý báo chí hiện đại cũng đang chuyển từ vai trò phản ánh sang vai trò kiến tạo. Các xu hướng như □báo chí kiến tạo□ □báo chí giải pháp□ □báo chí vì phát triển bền vững□ đang đặt ra yêu cầu mới cho người làm báo: không chỉ đưa tin, mà phải chủ động phân tích, đề xuất, truyền cảm hứng và thúc đẩy thay đổi tích cực trong xã hội.

Trong khi đó, môi trường số cũng kéo theo nhiều thách thức đạo đức: tin giả, thao túng thông tin, vi phạm bản quyền, tấn công dữ liệu cá nhân□ khiến chuẩn mực nghề nghiệp truyền thống không còn đủ để giải quyết các vấn đề phức tạp phát sinh trong hoạt động báo chí hiện đại. Nhà báo ngày nay cần được trang bị năng lực pháp lý, đạo đức, xã hội sâu rộng, có khả năng tự kiểm soát, ứng xử linh hoạt và giữ vững chuẩn mực nghề nghiệp trong môi trường không

biên giới.

Do đó, triết lý đào tạo báo chí - truyền thông trong giai đoạn hiện nay cần được điều chỉnh theo hướng tiếp cận thực tiễn, linh hoạt và tích hợp. Thay vì nhấn mạnh thuần túy vào đào tạo kỹ năng nghề nghiệp theo kiểu tuyến tính, mô hình đào tạo cần hướng tới phát triển năng lực toàn diện cho người học, bao gồm tư duy phản biện, năng lực ứng dụng công nghệ, hiểu biết xã hội và đạo đức nghề nghiệp trong môi trường số.

Đồng thời, từ cách tiếp cận đơn ngành truyền thống, chương trình đào tạo cần chuyển sang thiết kế liên ngành, kết nối giữa báo chí, truyền thông, công nghệ, dữ liệu và các lĩnh vực khoa học xã hội - nhân văn. Việc đổi mới này cần được thể hiện rõ trong xây dựng chuẩn đầu ra, tổ chức chương trình học, phương pháp giảng dạy và cơ chế phối hợp giữa nhà trường với thực tiễn nghề nghiệp.

2. Đánh giá tổng quát về thực trạng công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ báo chí - truyền thông hiện nay

Những kết quả đạt được trong công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ báo chí - truyền thông:

Một là, hệ thống các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng được mở rộng, đa dạng hóa mô hình và định hướng phát triển.

Từ chỗ chỉ có một vài đơn vị đào tạo báo chí sau năm 1945, đến nay, cả nước đã có hàng chục cơ sở đào tạo báo chí - truyền thông ở các trình độ cao đẳng, đại học, sau đại học. Trong đó, có thể kể đến các cơ sở trọng điểm như: Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (ĐHQG Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh), Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, cùng nhiều trường đại học, học viện chuyên ngành và đa ngành khác.

Bên cạnh hệ thống đào tạo chính quy, mạng lưới các trung tâm bồi dưỡng nghiệp vụ báo chí của Hội Nhà báo Việt Nam, các cơ sở báo chí lớn (như Đài Truyền hình Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam) cũng thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng cho phóng viên, biên tập viên và cán bộ quản lý báo chí tại chỗ hoặc theo hình thức liên kết với các tổ chức quốc tế. Sự mở rộng về quy mô và đa dạng hóa mô hình đào tạo, bồi dưỡng đã góp phần hình thành nên một hệ sinh thái nhân lực báo chí - truyền thông ngày càng hoàn thiện, phục vụ

nhu cầu phát triển của hệ thống báo chí trong nước.

Hai là, chương trình, nội dung đào tạo từng bước được cập nhật, tích hợp liên ngành và điều chỉnh theo yêu cầu thực tiễn.

Trước những thay đổi của môi trường truyền thông, nhiều cơ sở đào tạo đã chủ động rà soát, điều chỉnh và phát triển chương trình theo hướng tích hợp liên ngành, tăng cường thực hành và tiếp cận các xu hướng hiện đại. Một số học viện, trường đại học đã đưa vào giảng dạy các học phần mới như: báo chí dữ liệu (data journalism), truyền thông số, sản xuất nội dung đa nền tảng, quản trị truyền thông, báo chí kiến tạo, truyền thông chính sách...

Việc đổi mới chương trình đào tạo còn thể hiện ở quá trình chuyển dịch từ tiếp cận nội dung sang tiếp cận theo năng lực. Cụ thể, thay vì chú trọng quá nhiều vào truyền đạt kiến thức lý thuyết, nhiều cơ sở đã tập trung phát triển các năng lực nghề nghiệp cốt lõi như: năng lực tư duy phản biện, kỹ năng biên tập đa phương tiện, năng lực ứng dụng công nghệ số trong sản xuất thông tin, năng lực giao tiếp, tương tác với công chúng trong môi trường số. Đáng chú ý, một số chương trình đã được xây dựng với sự tham vấn từ các cơ quan báo chí lớn, nhằm tăng tính thực tiễn và gắn kết giữa nhà trường với thị trường lao động.

Ba là, đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực, phát huy tính chủ động, năng lực thực hành.

Trong những năm gần đây, nhiều cơ sở đào tạo đã tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát huy tính chủ động, sáng tạo và năng lực tự học của sinh viên. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy và học tập ngày càng phổ biến, nhất là sau thời gian dài chịu ảnh hưởng của dịch COVID-19. Các hình thức như dạy học trực tuyến, kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, mô phỏng tác nghiệp báo chí, học qua dự án, học theo tình huống đã được áp dụng rộng rãi hơn. Nhiều giảng viên đã sử dụng các công cụ kỹ thuật số như phần mềm dựng video, đồ họa trực tuyến, hệ thống LMS để hỗ trợ giảng dạy. Điều này tạo điều kiện cho người học phát triển năng lực làm việc trong môi trường truyền thông hiện đại, nơi tính linh hoạt, khả năng thích ứng và khai thác công nghệ là yêu cầu không thể thiếu.

Bốn là, đội ngũ giảng viên, chuyên gia được tăng cường cả về số lượng và chất lượng.

Đội ngũ giảng viên báo chí - truyền thông hiện nay ngày càng được chuyên môn hóa. Nhiều giảng viên có trình độ sau đại học, được đào tạo bài bản trong và ngoài nước, có kinh nghiệm thực tiễn tại các cơ quan báo chí, đồng thời có khả năng nghiên cứu và ứng dụng lý luận truyền thông hiện đại. Một số cơ sở còn mời các nhà báo, biên tập viên, chuyên gia công nghệ, chuyên gia truyền thông số... tham gia giảng dạy dưới hình thức giảng viên thỉnh giảng, tạo điều kiện kết nối hiệu quả giữa lý luận và thực tiễn.

Ngoài ra, các hoạt động bồi dưỡng giảng viên, trao đổi chuyên môn, cập nhật công nghệ cũng được một số đơn vị chú trọng. Hợp tác quốc tế với các tổ chức báo chí, trường đại học nước ngoài cũng là kênh quan trọng giúp đội ngũ giảng dạy tiếp cận xu hướng toàn cầu, nâng cao năng lực sư phạm và hội nhập nghề nghiệp.

Năm là, hoạt động bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ được triển khai thường xuyên, linh hoạt, đa dạng hoá hình thức và gắn với thực tiễn.

Cùng với đào tạo chính quy, các hoạt động bồi dưỡng nghiệp vụ, cập nhật kiến thức mới cho đội ngũ cán bộ, phóng viên, biên tập viên cũng được tổ chức thường xuyên. Các lớp bồi dưỡng chuyên đề về kỹ năng làm báo hiện đại, xử lý thông tin trên mạng xã hội, đạo đức báo chí trong môi trường số, phòng chống tin giả, khai thác dữ liệu mở... được tổ chức dưới nhiều hình thức, phù hợp với từng đối tượng và địa phương. Đặc biệt, nhiều chương trình bồi dưỡng có sự tham gia của các tổ chức quốc tế như FES (Đức), Internews (Mỹ), FOJO, SIDA (Thụy Điển), UNESCO... góp phần nâng cao chất lượng, tính cập nhật và khả năng tiếp cận chuẩn quốc tế cho người học.

Sáu là, cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ ngày càng được chú trọng đầu tư.

Một số cơ sở đào tạo trọng điểm đã xây dựng hệ thống phòng thu, dựng hiện đại, studio truyền hình, phát thanh, hệ thống học liệu điện tử, thư viện số, nền tảng đào tạo trực tuyến... Những điều kiện này tạo thuận lợi cho người học được thực hành, trải nghiệm môi trường báo chí chuyên nghiệp, hỗ trợ quá trình hình thành kỹ năng nghề. Cùng với đó, sự phát triển của các nền tảng số (Zoom, Moodle, Teams...) đã được tận dụng để tổ chức lớp học linh hoạt, kết nối

chuyên gia trong và ngoài nước, mở rộng không gian học tập vượt ra khỏi khuôn viên nhà trường.

Những hạn chế, bất cập trong công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ báo chí - truyền thông:

Bên cạnh những kết quả đạt được trong những năm gần đây, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ báo chí - truyền thông vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế, bất cập, chủ yếu do sự thiếu đồng bộ, chưa theo kịp những biến đổi nhanh chóng của môi trường truyền thông hiện đại và yêu cầu thực tiễn nghề nghiệp. Những bất cập này không phủ định những nỗ lực đổi mới đang được triển khai, mà phản ánh các khoảng trống, sự chậm nhịp, thiếu nhất quán và độ sâu cần thiết trong quá trình phát triển.

Một là, chậm hình thành một hệ thống đào tạo, bồi dưỡng đồng bộ, kết nối hiệu quả.

Mặc dù số lượng cơ sở đào tạo báo chí - truyền thông đã tăng lên đáng kể trong những năm qua, song hệ thống này vẫn mang tính phân tán, thiếu tính liên thông, điều phối và chưa hình thành được một cấu trúc đồng bộ ở cấp quốc gia. Việc mở ngành, xây dựng chương trình, tổ chức đào tạo vẫn chủ yếu theo cơ chế ☐mỗi nơi một cách☐ dẫn đến sự chênh lệch đáng kể về chất lượng giữa các cơ sở, đặc biệt là giữa nhóm trường có truyền thống, điều kiện đảm bảo chất lượng tốt với các đơn vị mới mở ngành hoặc chưa có đội ngũ chuyên sâu.

Một thực tế đáng lưu ý là, theo quy định hiện hành, chỉ các cơ sở đào tạo công lập mới được phép mở ngành đào tạo báo chí. Tuy nhiên, trong quá trình mở ngành và tuyển sinh, một số cơ sở đào tạo tư thục, dân lập đã sử dụng cách tiếp cận ☐vòng☐ thông qua ngành truyền thông, nhưng trong thực tế lại triển khai đào tạo theo hướng báo chí. Điều này tạo ra sự nhập nhèm giữa hai lĩnh vực vốn có những điểm khác biệt rõ về mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra, yêu cầu đạo đức, pháp lý và tính chất nghề nghiệp. Do không được xây dựng bài bản về đội ngũ, chương trình, phương pháp và thực hành nghề báo, nhiều chương trình dạng này không đáp ứng được yêu cầu căn bản của một ngành đào tạo nghề nghiệp đặc thù như báo chí. Hệ quả là có không ít sinh viên tốt nghiệp các ngành truyền thông nhưng lại tham gia hoạt động báo chí với năng lực hạn chế, thiếu hiểu biết về quy tắc đạo đức nghề nghiệp, kỹ năng kiểm chứng thông tin, quy trình xuất

bản, tác nghiệp hiện trường... làm gia tăng rủi ro về chất lượng sản phẩm báo chí và ảnh hưởng đến hình ảnh chung của đội ngũ người làm báo. Tình trạng "đội lốt ngành" không chỉ tạo ra sự lộn xộn trong hệ thống đào tạo, mà còn làm khó cho công tác quản lý chất lượng và kiểm soát chuẩn đầu ra. Đồng thời, việc thiếu một cơ chế giám sát liên ngành giữa cơ quan quản lý giáo dục, quản lý báo chí và hệ thống kiểm định chất lượng đã khiến vấn đề này kéo dài, chưa được xử lý triệt để.

Bên cạnh đó, cơ chế phối hợp giữa các cơ sở đào tạo chính quy với hệ thống bồi dưỡng ngắn hạn, các trung tâm nghiệp vụ và cơ quan báo chí còn rời rạc, chủ yếu mang tính thời điểm, thiếu tính lâu dài và chia sẻ nguồn lực. Việc thiếu một mạng lưới phối hợp trong đào tạo, bồi dưỡng khiến nguồn lực bị phân tán, giảm hiệu quả và khó tạo đột phá về chất lượng.

Hai là, đổi mới nội dung chương trình chưa đồng đều, thiếu chiều sâu và chưa theo kịp yêu cầu nghề nghiệp.

Trong khi một số đơn vị đã chủ động cập nhật chương trình giảng dạy theo hướng hiện đại, thì ở nhiều nơi, việc điều chỉnh vẫn diễn ra chậm chạp, hình thức hoặc dàn trải, chưa gắn chặt với yêu cầu của thực tiễn làm báo trong môi trường số. Các nội dung liên quan đến truyền thông đa nền tảng, dữ liệu, AI, xử lý khủng hoảng, kiểm chứng thông tin... vẫn còn ít được triển khai có hệ thống. Không ít chương trình còn đặt nặng lý thuyết, tiếp cận nghề báo theo mô hình truyền thống, trong khi thiếu hẳn các học phần chuyên sâu, thiết kế theo vị trí việc làm cụ thể tại các tòa soạn hiện đại. Điều này dẫn đến thực trạng "cập nhật có, cập nhật đủ, cập nhật sâu" chưa song hành. Sự không đồng đều về tốc độ và chất lượng đổi mới giữa các cơ sở đào tạo làm nảy sinh sự thiếu thống nhất trong việc chuẩn hóa năng lực người học.

Ba là, mối liên kết giữa đào tạo và thực tiễn sử dụng lao động còn lỏng lẻo, thiếu cơ chế ràng buộc hiệu quả.

Một bất cập kéo dài nhiều năm là khoảng cách giữa hoạt động đào tạo trong nhà trường và yêu cầu thực tế tại các cơ quan báo chí - truyền thông. Dù thực hành đã được chú trọng hơn, nhưng vẫn chưa thực sự gắn bó chặt chẽ với quy trình tác nghiệp tại các tòa soạn hiện đại. Nhiều cơ sở vẫn duy trì mô hình thực

tập theo hình thức "tham quan" hoặc ngắn ngày, thiếu cơ chế giám sát, đánh giá hiệu quả, chưa coi thực tiễn nghề nghiệp là một phần hữu cơ của quá trình đào tạo. Việc khai thác sự tham gia của các nhà báo, biên tập viên, quản lý truyền thông trong việc xây dựng chương trình, giảng dạy và hướng dẫn sinh viên vẫn còn ở mức thấp.

Trong thực tế, mối liên kết giữa cơ sở đào tạo và cơ quan báo chí - truyền thông hiện nay vẫn còn mang tính hình thức, lỏng lẻo và thiếu tính ổn định. Việc tổ chức thực tập, kiến tập hay tham quan nghề nghiệp phần lớn vẫn dựa vào mối quan hệ cá nhân, sự linh hoạt hoặc thiện chí của các đơn vị báo chí, mà chưa được thiết lập trên cơ sở một cơ chế phối hợp có ràng buộc về trách nhiệm, nội dung và quyền lợi hai bên. Hiện chưa có quy định mang tính hệ thống nào yêu cầu sự phối hợp chính thức giữa cơ sở đào tạo và cơ quan báo chí trong hoạt động thực hành nghề nghiệp cho sinh viên. Điều này dẫn đến tình trạng mỗi nơi "tự vận hành theo khả năng", nơi có mối quan hệ tốt thì tổ chức được thực tập bài bản; nơi không có điều kiện thì thực tập chỉ diễn ra hình thức.

Thêm vào đó, nhiều cơ quan báo chí hiện nay cũng đang đối mặt với hạn chế về cơ sở vật chất, không gian làm việc, nhân sự hướng dẫn và áp lực công việc nên khó bố trí người theo sát, hỗ trợ sinh viên thực tập. Việc tiếp nhận thực tập sinh đôi khi trở thành gánh nặng, trong khi lại không có cơ chế hỗ trợ cụ thể về tài chính hoặc hành chính từ phía nhà trường. Hệ quả là ở nhiều nơi, sinh viên chỉ "đến đánh trống ghi tên", không được giao việc, không được học hỏi kinh nghiệm, thậm chí không được tiếp cận quy trình làm báo thực tế. Tình trạng này ngày càng trở nên trầm trọng hơn trong bối cảnh tinh giản bộ máy, thu gọn đầu mối các cơ quan báo chí theo quy hoạch báo chí quốc gia. Hàng trăm cơ quan báo chí đã bị sáp nhập, chuyển đổi mô hình hoặc cắt giảm biên chế, dẫn đến nguồn lực tiếp nhận và hướng dẫn thực tập ngày càng bị thu hẹp. Trong khi đó, số lượng sinh viên báo chí - truyền thông tốt nghiệp mỗi năm vẫn rất lớn, tạo ra áp lực lớn cho cả cơ sở đào tạo và hệ thống báo chí trong việc bảo đảm điều kiện thực hành nghề nghiệp.

Những bất cập nêu trên không chỉ làm giảm hiệu quả của quá trình rèn luyện kỹ năng nghề tại thực tế tòa soạn, mà còn khiến sinh viên khó hình dung và

chuẩn bị tốt cho môi trường làm việc sau tốt nghiệp, đặc biệt là trong môi trường truyền thông số, nơi yêu cầu năng lực thực hành rất cao và liên tục cập nhật.

Bốn là, phương pháp giảng dạy chuyển đổi chậm, nhiều nơi chưa phù hợp với môi trường học tập hiện đại.

Việc đổi mới phương pháp giảng dạy, dù đã được nhận thức tại nhiều đơn vị, nhưng tiến độ chuyển đổi vẫn chưa đồng đều và thiếu chiều sâu. Nhiều lớp học vẫn thiên về giảng giải, truyền đạt một chiều, chưa phát huy được khả năng tư duy phản biện, sáng tạo, xử lý tình huống và giải quyết vấn đề của người học. Việc ứng dụng công nghệ trong dạy học tuy đã được mở rộng trong bối cảnh đại dịch, nhưng ở nhiều nơi vẫn chỉ dừng lại ở việc giảng bài qua nền tảng trực tuyến, thiếu các công cụ mô phỏng, bài tập tương tác, học qua sản phẩm truyền thông thực tiễn. Khả năng tích hợp giữa công nghệ, nội dung, phương pháp còn hạn chế, nhất là trong giảng dạy các môn đòi hỏi thao tác đa phương tiện.

Ngoài ra, việc đánh giá kết quả học tập ở nhiều cơ sở đào tạo vẫn chủ yếu dựa trên bài viết lý thuyết, chưa thực sự gắn với sản phẩm nghề nghiệp hoặc đánh giá năng lực theo tiến trình, làm hạn chế sự phát triển toàn diện của sinh viên báo chí - truyền thông.

Năm là, đội ngũ giảng viên chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu chuyên sâu và công nghệ số, thiếu hụt nghiêm trọng ở một số cơ sở đào tạo.

Mặc dù đã có sự phát triển về số lượng và trình độ ở một số cơ sở đào tạo trọng điểm, nhưng nhìn tổng thể, hệ thống đào tạo báo chí - truyền thông hiện nay vẫn đang đối mặt với tình trạng thiếu hụt đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn sâu, năng lực giảng dạy liên ngành và kinh nghiệm thực tiễn tác nghiệp trong môi trường truyền thông số. Một bộ phận giảng viên hiện nay còn thiên về nghiên cứu lý luận, chưa có kinh nghiệm thực tiễn làm báo, hoặc chưa được cập nhật đầy đủ các kỹ năng số, công nghệ sản xuất nội dung đa nền tảng, phân tích dữ liệu truyền thông □

Trong khi đó, việc tổ chức các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực giảng viên về chuyên môn liên ngành và kỹ năng công nghệ vẫn chưa được triển khai đồng bộ, chủ yếu mang tính tự phát hoặc theo các dự án ngắn hạn.

Đáng chú ý, tình trạng thiếu hụt đội ngũ giảng viên

có học vị, học hàm cao tại nhiều trường tư thục, dân lập đang là vấn đề nghiêm trọng. Trong khi quy mô tuyển sinh của một số cơ sở này rất lớn, thì số lượng giảng viên chính thức còn ít, nhiều nơi phụ thuộc vào giảng viên thỉnh giảng, chưa xây dựng được lực lượng giảng dạy ổn định. Một số trường mới mở ngành báo chí hoặc truyền thông nhưng chưa có đủ giảng viên được đào tạo bài bản đúng chuyên ngành, dẫn đến việc tổ chức giảng dạy mang tính ứng phó, thiếu chiều sâu, thậm chí nhầm lẫn giữa báo chí và truyền thông doanh nghiệp - hai lĩnh vực có định hướng nghề nghiệp và chuẩn mực đạo đức rất khác biệt.

Tình trạng này khiến chất lượng đào tạo tại một số cơ sở ngoài công lập trở nên đáng báo động, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng đội ngũ làm truyền thông sau khi tốt nghiệp. Việc thiếu một cơ chế giám sát, kiểm định đội ngũ giảng viên đối với các ngành đào tạo đặc thù như báo chí - truyền thông đang đặt ra những nguy cơ về sự suy giảm chuẩn mực nghề nghiệp, thiếu vững chắc về nền tảng lý luận, kỹ năng, đạo đức của người hành nghề báo trong tương lai. Trong khi đó, việc mời các chuyên gia thực tiễn, nhà báo có kinh nghiệm vào giảng dạy vẫn gặp khó khăn về cơ chế, kinh phí, hoặc bị giới hạn về khung học thuật. Sự thiếu hụt đội ngũ giảng viên là chuyên gia có năng lực liên ngành (báo chí, công nghệ, dữ liệu) là một trong những rào cản chính khiến việc cập nhật và chuyển giao kiến thức hiện đại gặp nhiều khó khăn.

Sáu là, hạ tầng công nghệ và điều kiện thực hành chưa đồng đều giữa các cơ sở đào tạo.

Thực trạng hiện nay cho thấy sự chênh lệch lớn về điều kiện vật chất giữa các cơ sở đào tạo, cả về quy mô đầu tư, tính hiện đại của thiết bị và khả năng khai thác phục vụ giảng dạy - học tập. Tại nhiều trường công lập, việc đầu tư cơ sở vật chất còn phụ thuộc nhiều vào ngân sách nhà nước và cơ chế cấp phát hành chính. Trong khi học phí thu ở mức thấp, việc đổi mới thiết bị lại phải qua quy trình phê duyệt dài, nên mô hình đầu tư thường mang tính "giật cục" và thiếu tính đồng bộ. Hệ quả là có tình trạng phòng học mới đầu tư thì hiện đại, nhưng thiết bị cũ lại không kịp thay thế, dẫn đến sự mất cân đối, khó tổ chức đồng bộ các hoạt động dạy và học theo chuẩn kỹ năng hiện đại. Một số trường chưa có studio truyền hình, phòng thu âm, phòng dựng hình chuyên nghiệp □ hoặc có nhưng

không đủ công suất, không còn phù hợp với công nghệ hiện nay.

Ngược lại, ở một số trường tư thục hoặc dân lập, với mức học phí cao hơn và cơ chế tự chủ tài chính linh hoạt, việc đầu tư thiết bị thường được thực hiện nhanh chóng, đồng bộ hơn. Một số cơ sở ngoài công lập đã xây dựng được hệ thống studio, trung tâm truyền thông, phòng máy dựng hiện đại, mô hình toà soạn giả lập, đáp ứng yêu cầu kỹ năng thực hành cho sinh viên.

Tuy nhiên, như đã phân tích ở trên, không phải tất cả các trường này đều đầu tư bài bản về mặt nội dung và đội ngũ, dẫn đến tình trạng □ ngoài hiện đại, trong thiếu nền tảng □ Sự bất cân xứng giữa trường công và trường tư về hạ tầng đào tạo, nếu không được nhìn nhận đầy đủ và có chính sách điều tiết, sẽ dần hình thành khoảng cách trong chất lượng kỹ năng thực hành của người học, đồng thời tạo ra sự thiếu công bằng trong tiếp cận cơ hội học tập và cơ hội nghề nghiệp giữa các nhóm sinh viên tốt nghiệp từ các loại hình cơ sở đào tạo khác nhau.

3. Định hướng và giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ báo chí - truyền thông trong kỷ nguyên mới

Việc nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ báo chí - truyền thông trong bối cảnh hiện nay đòi hỏi phải có giải pháp tổng thể, mang tính hệ thống, được triển khai đồng bộ từ cấp vĩ mô đến từng đơn vị, cá nhân. Các giải pháp không chỉ dừng lại ở đổi mới chương trình hay phương pháp giảng dạy, mà cần hướng đến cải cách thể chế, tái cấu trúc mô hình đào tạo, tăng cường liên kết thực tiễn và phát triển năng lực tự thân của người học. Từ đó, có thể phân nhóm giải pháp theo các chủ thể chính tham gia và chi phối hoạt động đào tạo, bồi dưỡng báo chí - truyền thông.

Trước hết, ở tầm chiến lược vĩ mô, Đảng và Nhà nước giữ vai trò then chốt trong việc định hình chính sách và định hướng phát triển hệ thống đào tạo báo chí trong bối cảnh mới.

Cần sớm ban hành một chiến lược quốc gia về phát triển nguồn nhân lực báo chí - truyền thông đến năm 2035, gắn với quy hoạch báo chí và chuyển đổi số quốc gia. Chiến lược này không chỉ xác định mục tiêu, định hướng và nguyên tắc tổ chức đào tạo, mà

còn phân định rõ trách nhiệm của từng cấp, từng loại hình cơ sở, đồng thời gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo, sử dụng và phát triển nguồn nhân lực trong toàn hệ thống chính trị và xã hội. Bên cạnh đó, để khuyến khích và tạo điều kiện cho các cơ sở đào tạo, Nhà nước cần tăng đầu tư công cho các trường công lập có vai trò nòng cốt, đồng thời có chính sách tín dụng, hỗ trợ xã hội hóa hợp lý với các trường tư thục đạt chuẩn.

Đối với các cơ quan quản lý giáo dục và đào tạo, trước hết là Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch cần tăng cường phối hợp trong xây dựng hệ thống kiểm định chất lượng chuyên biệt cho ngành báo chí - truyền thông. Một bộ tiêu chí đánh giá riêng, sát đặc thù nghề nghiệp, sẽ là căn cứ để giám sát chất lượng đào tạo một cách thực chất, đồng thời là cơ sở để phân loại, điều chỉnh, hoặc chấn chỉnh các đơn vị chưa đạt chuẩn. Cần sớm ban hành khung chương trình chuẩn dùng chung cho các cơ sở đào tạo báo chí - truyền thông, với các học phần cốt lõi bắt buộc, các học phần mở linh hoạt và các mô-đun hiện đại tích hợp công nghệ, dữ liệu và đạo đức nghề nghiệp.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, các cơ quan quản lý cũng cần thúc đẩy các chương trình hợp tác quốc tế về đào tạo, trao đổi giảng viên, học liệu mở và chuyển giao công nghệ giáo dục, nhằm tạo điều kiện cho các trường trong nước tiếp cận xu hướng tiên tiến và nâng cao năng lực cạnh tranh.

Ngoài ra, cần hoàn thiện hành lang pháp lý về đào tạo báo chí - truyền thông, trong đó đặc biệt quan trọng là xác lập ranh giới rõ giữa các ngành đào tạo báo chí và truyền thông, siết chặt điều kiện mở ngành, và ban hành các chuẩn chất lượng tối thiểu về đội ngũ, cơ sở vật chất, chương trình và chuẩn đầu ra.

Đối với cơ sở đào tạo báo chí - truyền thông, trọng tâm đổi mới cần được đặt vào tái cấu trúc chương trình, hiện đại hóa phương pháp giảng dạy và phát triển đội ngũ giảng viên. Các trường đào tạo báo chí - truyền thông cần luôn cập nhật, xây dựng mới chương trình theo hướng tích hợp liên ngành, lấy năng lực nghề nghiệp trong môi trường số làm trung tâm, đồng thời phân hóa nội dung theo hướng chuyên sâu theo vị trí việc làm: từ phóng viên, biên tập viên đến nhà sản xuất nội dung đa nền tảng, nhà

quản lý truyền thông.

Về phương pháp giảng dạy, cần áp dụng các hình thức đào tạo dựa trên sản phẩm, mô phỏng nghề nghiệp, học qua dự án, học tập trải nghiệm thay cho cách tiếp cận lý thuyết đơn tuyến. Việc tổ chức lớp học cần gắn với nền tảng công nghệ số, học liệu điện tử, và các phần mềm hỗ trợ dựng hình, dựng âm thanh, phân tích dữ liệu truyền thông. Đối với đội ngũ giảng viên, cần có chiến lược dài hạn về đào tạo nâng cao trình độ, khuyến khích nghiên cứu ứng dụng, đồng thời mở rộng mời gọi giảng viên thỉnh giảng là các nhà báo có uy tín, chuyên gia công nghệ, nhà phân tích truyền thông tham gia giảng dạy. Việc xây dựng hệ sinh thái giảng viên có tính liên ngành, thực tiễn và học thuật chính là chìa khóa để nâng cao chất lượng đào tạo một cách bền vững.

Đối với các cơ quan báo chí - truyền thông. Trong bối cảnh tinh giản bộ máy, giảm đầu mối và tăng tính chuyên môn hóa, các cơ quan báo chí cần xác định rõ vai trò là một chủ thể tham gia đào tạo, bồi dưỡng, không chỉ là đơn vị sử dụng nhân lực đầu ra. Cần có cơ chế phối hợp chính thức giữa tòa soạn và trường học trong việc tổ chức thực tập, hướng dẫn sinh viên thực hành nghề, đánh giá sản phẩm học tập, phản hồi về chương trình đào tạo, thậm chí tham gia vào thiết kế học phần. Việc tiếp nhận sinh viên thực tập cần được tổ chức bài bản, có hướng dẫn, có kế hoạch, tránh hình thức.

Ngoài ra, các tòa soạn cũng thường xuyên tổ chức các khóa bồi dưỡng ngắn hạn dành cho cả phóng viên đang hành nghề và sinh viên sắp tốt nghiệp, với các chuyên đề thực tiễn: xử lý khủng hoảng truyền thông, an toàn dữ liệu, AI trong báo chí, sáng tạo nội dung ngắn. Những hoạt động này không chỉ nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đầu vào, mà còn góp phần gắn kết đội ngũ làm báo trẻ với các giá trị, chuẩn mực nghề nghiệp của báo chí cách mạng Việt Nam.

Cuối cùng, vai trò của người học cần được nhấn mạnh như một chủ thể tích cực trong quá trình đổi mới.

Trước những thay đổi nhanh và khó dự đoán của môi trường nghề nghiệp, người học cần chuyển đổi từ tư duy học để thi sang học để hành, từ học thụ động sang học chủ động, phân biện và sáng tạo. Cần rèn luyện khả năng tự học, tự nghiên cứu, biết kết nối với cộng đồng nghề nghiệp từ khi còn trên ghế nhà

trường. Ngoài kiến thức chuyên môn, sinh viên cần chú trọng kỹ năng mềm, ngoại ngữ, tư duy công nghệ và đặc biệt là bản lĩnh nghề nghiệp để hành nghề một cách có trách nhiệm trong không gian truyền thông số đầy biến động và rủi ro.

Kết luận

Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ báo chí - truyền thông là một trong những yếu tố then chốt quyết định chất lượng và tương lai của nền Báo chí Cách mạng Việt Nam. Trong bối cảnh truyền thông toàn cầu biến đổi sâu sắc, với sự chi phối của công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và những yêu cầu mới về đạo đức, kỹ năng và tư duy nghề nghiệp, công tác đào tạo, bồi dưỡng càng đòi hỏi phải có những điều chỉnh toàn diện, kịp thời và mang tính chiến lược. Những kết quả tích cực trong thời gian qua là cơ sở để tiếp tục phát huy, nhưng chưa đủ để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thực tiễn. Còn nhiều khoảng trống về chương trình, đội ngũ, cơ chế liên kết và môi trường thực hành cần được lấp đầy bằng các giải pháp đồng bộ, xuất phát từ tầm nhìn chung của Đảng, Nhà nước, sự điều phối hiệu quả của cơ quan quản lý, sự chủ động đổi mới của các cơ sở đào tạo, sự hợp tác của cơ quan báo chí và cả sự tự nâng cao năng lực của người học. Việc hiện đại hóa, chuyên nghiệp hóa và gắn kết đào tạo với thực tiễn không chỉ là nhu cầu cấp thiết, mà còn là điều kiện tiên quyết để phát triển đội ngũ làm báo - truyền thông vững vàng về chính trị, tinh thông về nghiệp vụ, nhạy bén với công nghệ và đủ năng lực đồng hành cùng đất nước trong giai đoạn phát triển mới./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng (2011), Tập II, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
2. Hội đồng Lý luận Trung ương (2021), *Những điểm mới trong các văn kiện Đại hội XIII của Đảng*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
3. Ajay Agrawal & Joshua Gans & Avi Goldfarb, (Người dịch: Đào Lợi) (2019), *AI trong cuộc cách mạng công nghệ 4.0*, Nxb. Lao động.
4. Francesco Marconi, (dịch giả Kim Cường) (2021), *Người làm báo: Trí tuệ nhân tạo và tương lai của báo chí*, Nxb. Trẻ.